

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 117/2024/HSST

Ngày: 26/6/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Bá Lý**.

2. Bà **Trần Thị Ánh Tuyết**.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thy Thy - Thư ký Tòa án, Tòa án Nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Đào Anh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024, tại **Điểm cầu trung tâm** trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố P, tỉnh G, các **Điểm cầu thành phần** Tòa án nhân dân tỉnh G và tất cả các Tòa án nhân dân huyện, thị thuộc Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai hình thức trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: 80/2024/TLST- HS ngày 12 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2024/QĐXXST – HS ngày 28 tháng 5 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Minh Đ; Giới tính: Nam. Sinh năm 1996 tại G.

Nơi thường trú: Tổ 3, phường Yên T, thành phố P, tỉnh G.

Nơi ở trước khi bị bắt: Hẻm 85 đường Võ Văn K, Tổ 3, phường Yên T, thành phố P, tỉnh G.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Nhân viên phục vụ.

Cha: Nguyễn Văn Đ - Sinh năm 1963.

Mẹ: Đoàn Thị L - Sinh năm 1965.

Cha, mẹ của bị cáo hiện trú tại Tổ 3, phường Yên T, thành phố P, tỉnh G.

Bị cáo có 01 anh ruột sinh năm 1990.

Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Nguyễn Minh Đ bị tạm giữ từ ngày 17/12/2023, sau đó bị tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P, có mặt tại phiên tòa.

2. Bùi Nguyễn Hồng N; Giới tính: Nữ. Sinh năm 2004 tại An G.

Nơi thường trú: Phường Mỹ P, thành phố Long X, tỉnh An G.

Nơi ở trước khi bị bắt: Hẻm 85 đường Võ Văn K, Tổ 3, phường Yên T, thành phố P, tỉnh G.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Phật giáo.

Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Cha: Không xác định.

Mẹ: Bùi Thị Phước L (đã chết).

Bị cáo không có anh, chị, em. Bị cáo chưa có chồng, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Bùi Nguyễn Hồng N bị tạm giữ từ ngày 16/12/2023, sau đó bị tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Minh Đ và Bùi Nguyễn Hồng N đều có sử dụng chất ma túy và cùng chung sống với nhau tại hẻm 85 đường Võ Văn K, Tổ 3, phường Yên T, thành phố P, tỉnh G. Trong quá trình làm nhân viên phục vụ tại quán Karaoke V6 đường W, thành phố P, thì Đ có nhặt được 03 gói nilon dạng bì kít bên trong đều chứa chất bột màu trắng, 01 viên nén màu xanh, 01 viên nén màu trắng, 03 phần viên nén màu xám và 01 phần viên nén màu xanh; Đ nhận thức được đây là ma túy loại Ketamine và ma túy thuốc loại MDMA nên Đ mang về nhà rồi đưa cho N cất giấu, với mục đích để cả hai cùng sử dụng. Sau đó tại hẻm 85 đường Võ Văn K, Tổ 3, phường Yên T, thành phố P, tỉnh G, Như đã lấy một ít ma túy loại MDMA để sử dụng; số còn lại, N cất giấu trong hộp giấy màu đỏ để trên kệ tủ tại phòng ngủ, với mục đích để N và Đ sử dụng dần. Vào lúc 18 giờ ngày 16/12/2023, khi N đang ở tại nhà thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy - Công an tỉnh G phối hợp với lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy - Công an thành phố P kiểm tra, bắt quả tang cùng vật chứng, gồm: 03 gói nilon dạng bì kít bên trong đều chứa chất bột màu trắng (đã được niêm phong theo quy định ghi số II); 01 viên nén màu xanh, 01 viên nén màu trắng, 02 phần viên nén màu xám và 01 phần viên nén màu xanh (đã được niêm phong theo quy định ghi số I); 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng kèm sim số và 01 hộp giấy màu đỏ. Đến 02 giờ ngày 17/12/2023, Nguyễn Minh Đ ra đầu thú,

giao nộp 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu xanh kèm sim số và khai nhận hành vi như đã nêu trên.

Qua giám định, tại bản Kết luận giám định số 09/KLGĐ ngày 25/12/2023, của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh G, kết luận: “*Tất cả các viên nén và các phần viên nén (gồm: 01 viên nén màu trắng, 01 viên nén màu xanh, 01 phần viên nén màu xanh và 02 phần viên nén màu xám) trong 01 (một) bì nilon được niêm phong trong bì công văn ghi “I” (mô tả tại mục Mẫu cần giám định) đều là ma túy, loại MDMA, tổng khối lượng 1,1804 gam. Chất màu trắng dạng tinh thể trong 03 (ba) bì nilon được niêm phong trong bì công văn ghi “II” (mô tả tại mục Mẫu cần giám định) đều là ma túy, loại Ketamine, tổng khối lượng 0,4652 gam*”.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như những tình tiết nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 98/CT- VKS ngày 12/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân TP.P đã truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Minh Đ và Bùi Nguyễn Hồng N về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm i khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố về hành vi của các bị cáo Nguyễn Minh Đ và Bùi Nguyễn Hồng N và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh Đ và Bùi Nguyễn Hồng N phạm tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

- Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Đ mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù;

- Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Nguyễn Hồng N mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung.

- Căn cứ khoản 2 Điều 106 BLTTHS; Điều 47 BLHS;

Tịch thu tiêu hủy 02 bì công văn niêm phong ghi số 09/PC09 ngày 25/12/2023 đã được niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự công an tỉnh Gia Lai.

Tịch thu tiêu hủy 01 hộp giấy màu đỏ.

Tuyên trả lại cho bị cáo Bùi Nguyễn Hồng N 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu trắng, kèm theo sim số và tuyên trả cho bị cáo Nguyễn Minh Đ 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu xanh, kèm theo sim số do không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

- Buộc các bị cáo Nguyễn Minh Đ và Bùi Nguyễn Hồng N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo Nguyễn Minh Đ nói lời nói sau cùng: Xin Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo được sớm quay về với gia đình và xã hội.

Bị cáo Bùi Nguyễn Hồng N: Xin Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo được sớm quay về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Minh Đ và Bùi Nguyễn Hồng N tại phiên tòa ngày hôm nay hoàn toàn phù hợp với các tài liệu chứng cứ, các tài liệu đã thu thập được có tại hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định: Nguyễn Minh Đ và Bùi Nguyễn Hồng N đều có sử dụng chất ma túy và cùng sống với nhau tại nhà ở hẻm 85 đường Võ Văn K, Tổ 3, phường Yên T, thành phố P, tỉnh G. Trong quá trình làm nhân viên phục vụ tại quán Karaoke V6 đường W, thành phố P, thì Đ có nhặt được 03 gói nilon chứa ma túy loại Ketamine và 01 viên nén màu xanh, 01 viên nén màu trắng, 03 phần viên nén màu xám và 01 phần viên nén màu xanh đều là ma túy loại MDMA nên Đ mang về nhà rồi đưa cho N cất giấu với mục đích để cả hai cùng sử dụng. Sau đó, N đã lấy một ít ma túy loại MDMA để sử dụng; số còn lại, N cất giấu trong hộp giấy màu đỏ để trên kệ tủ phòng ngủ, với mục đích để N và Đ sử dụng dần. Đến 18 giờ ngày 16/12/2023, khi N đang ở nhà tại hẻm 85 đường Võ Văn K, Tổ 3, phường Yên T, thành phố P, tỉnh G, thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy - Công an thành phố P phát hiện, bắt quả tang cùng toàn bộ vật chứng. Đến 02 giờ ngày 17/12/2023, Nguyễn Minh Đ ra đầu thú.

Qua giám định, xác định: Số ma túy mà Nguyễn Minh Đ và Bùi Nguyễn Hồng N tàng trữ để sử dụng, có khối lượng 1,1804 gam ma túy loại MDMA và 0,4652 gam ma túy loại Ketamine.

[3] Bản thân các bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi của bị cáo là trái pháp luật, bị xã hội lên án gay gắt và pháp luật cũng trừng trị nghiêm khắc đối với loại tội phạm này, tệ nạn ma túy là một hiểm họa lớn cho toàn xã hội, gây tác hại

khôn lường cho sức khỏe con người làm băng hoại đạo đức và phẩm giá con người, phá hoại hạnh phúc bao gia đình, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự an toàn xã hội và an ninh quốc gia, là một trong những nguyên nhân phát sinh ra nhiều tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác, nên nhà nước có chính sách quản lý, kiểm soát chặt chẽ, nghiêm cấm việc mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép. Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nhận thức được tác hại của tệ nạn ma túy, nhưng chỉ vì để thỏa mãn nhu cầu của bản thân mà các bị cáo đã bất chấp pháp luật thực hiện hành vi cất giấu ma túy để sử dụng. Hành vi tàng trữ 1,1804 gam ma túy loại MDMA (thuộc danh mục I ban hành theo Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ) và 0,4652 gam ma túy loại Ketamine (thuộc danh mục III ban hành theo Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ). Hai chất MDMA và Ketamine là các chất không được quy định trong cùng một điểm thuộc các khoản của Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và đều có khối lượng dưới mức tối thiểu đối với từng chất theo quy định tại khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của 02 chất ma túy loại MDMA và loại Ketamine, mà các bị cáo Nguyễn Minh Đ và Bùi Nguyễn Hồng N tàng trữ để sử dụng, là dưới 100%, nên thuộc trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy đã có đủ cơ sở khẳng định hành vi của các bị cáo Nguyễn Minh Đ và Bùi Nguyễn Hồng N đã phạm vào tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017, vì vậy cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku đã truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma túy, đồng thời gây mất trật tự trị an tại địa phương, nên cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng một hình phạt tù nghiêm khắc cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

Đây là vụ án đồng phạm, tuy nhiên chỉ là đồng phạm mang tính chất giản đơn, trong đó bị cáo Nguyễn Minh Đ với vai trò là người khởi xướng cùng với Bùi Nguyễn Hồng N là người thực hiện hành vi phạm tội, vì vậy mức hình phạt dành cho bị cáo Nguyễn Minh Đ phải cao hơn bị cáo Bùi Nguyễn Hồng N là phù hợp.

[5] Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau: trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo Nguyễn Minh Đ được hưởng tình tiết đầu thú theo khoản 2 Điều 51 BLHS, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, HĐXX sẽ xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

[6] Về xử lý vật chứng:

-Tịch thu tiêu hủy 02 phong bì niêm phong ghi số 09/PC09 ngày 25/12/2023 đã được niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự công an tỉnh G.

-Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc hộp giấy màu đỏ.

-Tuyên trả lại cho bị cáo Bùi Nguyễn Hồng N 01 điện thoại di động hiệu iPhone, màu trắng, kèm theo sim số;

-Tuyên trả lại cho bị cáo Nguyễn Minh Đ 01 điện thoại di động hiệu iPhone, màu xanh, kèm theo sim số do không liên quan đến hành vi phạm tội.

[7] Đối với anh Vương Xuân H (sinh năm 1995, là quản lý quán Karaoke V6) Việc Đ làm nhân viên phục vụ và nhặt được ma túy tại quán rồi cất giấu để sử dụng thì anh Hạ không biết nên không có căn cứ để xử lý.

[8] Đối với bà Đoàn Thị L (sinh năm 1965, là mẹ của bị cáo Đ) là chủ sở hữu của căn nhà tại hẻm 85 đường Võ Văn K, Tổ 3, phường Yên T, thành phố P, tỉnh G (nơi các bị cáo Đ và N đã tàng trữ trái phép chất ma túy). Tuy nhiên, bà L không ở căn nhà này mà cho Đ ở nên việc bị cáo Đ và N tàng trữ trái phép chất ma túy tại nhà thì bà L không biết nên không có căn cứ để xử lý.

[9] Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Minh Đ và Bùi Nguyễn Hồng N.

[10] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Minh Đ và Bùi Nguyễn Hồng N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Minh Đ.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Đ: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/12/2023.

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Bùi Nguyễn Hồng N.

Xử phạt bị cáo Bùi Nguyễn Hồng N: 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/12/2023.

3. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 47 Bộ luật hình sự

-Tịch thu tiêu hủy 02 công văn dán kín cùng ghi số 09/PC09 ngày 25/12/2023 đã được niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự công an tỉnh G (có chữ ký ghi họ tên Trần Đoàn T, Bùi Sĩ T, Trần Đình N).

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc hộp giấy màu đỏ (cũ, đã qua sử dụng).
- Tuyên trả lại cho bị cáo Bùi Nguyễn Hồng N 01 điện thoại di động hiệu iPhone, màu trắng, kèm theo sim số;
- Tuyên trả lại cho bị cáo Nguyễn Minh Đ 01 điện thoại di động hiệu iPhone, màu xanh, kèm theo sim số (Điện thoại cũ đã qua sử dụng, Chi cục THADS không kiểm tra tình trạng bên trong).

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/4/2024 giữa Cơ quan CSĐT công an TP.P và Chi cục thi hành án dân sự TP.P.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Minh Đ và Bùi Nguyễn Hồng N mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo:

Căn cứ các Điều 331; 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Báo cho: bị cáo Nguyễn Minh Đ và Bùi Nguyễn Hồng N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay (ngày 26/6/2024).

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND TP. Pleiku;
- Công an TP. Pleiku;
- Chi cục THADS TP. Pleiku;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo, Người bào chữa (nếu có);
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Xuân Hồng